

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2019/HS-ST

Ngày: 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Nhị và Ông Vũ Văn Diệm

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Tiến D, sinh ngày 10/9/2001 tại Bình Phước; nơi cư trú tổ 02, khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Văn T, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến D:

Ông Nguyễn Minh Đ - Luật sư Văn phòng luật sư Đăng Minh Bình Phước, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người bị hại:

Ông Phạm Văn N, sinh năm 1952; nơi cư trú khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; tạm trú tại tổ 4, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Phạm Văn N:

Chị Phạm Thị Duy K, sinh năm 1987; nơi cư trú phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận “vắng mặt”;

Chị Phạm Thị Duy K, sinh năm 1980 “vắng mặt”;

Anh Phạm K, sinh năm 1982 “vắng mặt”;

Chị Phạm Thụy Nhã K; sinh năm 1983 “vắng mặt”;

Cùng cư trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Phạm Văn N: Chị Phạm Thụy Nhã K; sinh năm 1983; nơi cư trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn T, sinh năm 1969; nơi cư trú tổ 02, khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Người làm chứng:

Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1970; nơi cư trú tổ 04, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23/02/2019 Phan Tiến D (chưa có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 93N4-0288 có dung tích xi lanh 97cm³ lưu thông trên đường L hướng từ đường L đến đường ĐT 741. Khi đi đến đoạn đường L, thuộc tổ 4, khu phố P, phường T, thành phố Đ, D quan sát phía trước theo chiều đi của mình có 01 xe mô tô cách khoảng 05m nên bấm còi xin vượt bên trái, khi vượt qua khoảng 01m-02m thì đụng trúng ông Phạm Văn N đang đi bộ băng qua đường từ lề trái qua lề phải theo chiều đi hướng đường L đến đường ĐT 741 của xe mô tô do D điều khiển gây tai nạn giao thông. Tai nạn xảy ra làm ông N bị thương nặng và tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 23 tháng 02 năm 2019, xác định như sau:

Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đường L, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ. Đường L là đường hai chiều dành cho các phương tiện lưu thông, mỗi chiều đường rộng 5,7m, ở giữa mặt đường có vạch sơn màu trắng đứt nét phân chia đường thành 02 chiều. Mặt đường trải bê tông nhựa bằng phẳng, tầm nhìn không hạn chế.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết như sau: Số (1) đánh số cho dép phải. Số (2) đánh số cho mũ bảo hiểm. Số (3) đánh số cho vết máu 01 kích thước (0,3 x 0,15)m. Số (4) đánh số cho mũ bảo hiểm. Số (5) đánh số cho dép phải. Số (6) đánh số cho vết máu 02 kích thước (3,0 x 0,4)m. Số (7) đánh số cho vết cày 93N4-2088. Số (8) đánh số cho xe mô tô biển số 93N4-2088.

Chọn mép lề phải theo hướng L – ĐT 741 làm lề chuẩn cho toàn bộ hiện trường. Chọn trụ đèn chiếu sáng nằm bên trong lề phải hướng L - ĐT 741 được đánh số 1A làm mốc vật chuẩn. Đơn vị đo cho hiện trường là mét (m).

Hiện trường vụ tai nạn giao thông để lại như sau:

Dép trái (1) nằm trên mặt đường L (chiều đường ĐT 741- L); Vết trượt (2) nằm trên đường L (chiều đường ĐT 741- L); Vết trượt (2) dài 2,0m, đầu vết trượt (2) hướng L, cuối vết trượt (2) hướng chéo sang lề trái (L- ĐT 741); Vết trượt (2) kèm có vết máu, da...; Vết máu (3) nằm trên mặt đường L (chiều đường ĐT 741-L), vết máu 3 dạng nhỏ giọt màu đỏ đã khô kích thước (0,3 x 0,15)m; Mũ bảo hiểm nằm trên mặt đường L (chiều đường ĐT 741-L); Dép phải nằm trên mặt đường L (chiều đường ĐT 741- L); Vết máu (6) nằm trên mặt đường L (chiều đường ĐT 741-L), vết máu dạng màu đỏ đậm kích thước (3,0 x 0,4)m; Vết cày mô tô 93N4-2088 (7) nằm trên mặt đường L (chiều đường L – ĐT 741), dài 26,2m, dạng đứt nét, đầu vết cày hướng L, cuối vết cày hướng đến góc để chân sau bên phải xe mô tô biển số 93N4-2088 hướng đi ĐT 741.

Từ vị trí dép trái (1) đo đến lề chuẩn 7,8m; Từ vị trí dép trái (1) đo đến đầu vết trượt (2) là 1,0m; từ đầu vết trượt (2) đo đến lề chuẩn là 6,6m; Từ cuối vết trượt (2) đo đến lề chuẩn là 7,3m; Từ đầu vết trượt (2) đo đến tâm vết máu (3) là 1,3m; Từ tâm vết máu (3) đo đến lề chuẩn là 6,8m; Từ cuối vết trượt (2) đo đến dép phải (5) là 0,8m; Từ dép phải (5) đo đến tâm vết máu (6) là 2,5m; Từ tâm dép phải (5) đo đến lề chuẩn là 7,9m; Từ tâm vết máu (6) đo đến lề chuẩn là 8,0m; Từ tâm vết máu (6) đo đến tâm trục bánh xe sau xe mô tô biển số 93N4-2088 là 28,6m; Từ tâm vết máu (3) đo đến mũ bảo hiểm (4) là 2,6m; Từ mũ bảo hiểm đo đến lề chuẩn là 6,0m; Từ mũ bảo hiểm (4) đo đến đầu vết cày 93N4-2088 là 36m; Từ đầu vết cày xe mô tô biển số 93N4-2088 đo đến lề chuẩn 4,9m; Từ tâm trục bánh xe sau xe mô tô biển số 93N4-2088 (8) đo đến lề chuẩn là 1,8m; Từ tâm trục bánh xe trước xe mô tô biển số 93N4-2088 (8) đo đến lề chuẩn là 1,6m; Từ tâm trục bánh xe sau xe mô tô biển số 93N4-2088 (8) đo đến trụ đèn chiếu sáng đánh số 1A là 15,5m; Từ lề chuẩn đo đến trụ đèn chiếu sáng là 0,4m. Khoảng cách đo đến lề chuẩn đều đo vuông góc.

Kết quả khám nghiệm các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông như sau:

* Xe ô tô biển số 93N4-2088: Gương chiếu hậu bị gãy rơi khỏi vị trí cố định; Yếm chắn gió bên trái bị trầy xước kích thước (0,2 x 0,2)m; Yếm chắn gió bên trái bị cong vênh từ trước ra sau kích thước (0,3 x 0,2)m; Đầu tay cầm bên phải bị trầy xước mài mòn kim loại kích thước (0,06 x 0,06)m; Yếm chắn gió bên phải bị trầy xước kích thước (0,4 x 0,050)m; Ốp bảo vệ góc chân trước bên phải bị trầy xước kích thước (0,5 x 0,1)m; Ốp bảo vệ bộ phận giảm thanh bị trầy xước kích thước (0,4 x 0,1)m.

Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện: Tiến hành mở ổ khóa điện trên xe mô tô biển số 93N4-2088 để tiến hành khám nghiệm các hệ thống an toàn kỹ thuật của phương tiện: Hiện tại đèn tín hiệu báo hướng rẽ bên phải đang hoạt động trạng thái nhấp nháy. Hệ thống lái hoạt động bình thường đủ chi tiết; Hệ thống hãm, đèn, còi hoạt động bình thường đầy đủ chi tiết; Hệ thống gương chiếu hậu bên trái bị gãy hư hỏng không hoạt động, mất chi tiết.

Tại bản Kết luận giám định số 63/2019/GDPY ngày 05/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết quả giám định: Phạm Văn N, sinh năm: 1953 bị chấn thương sọ não gây vỡ xương sọ, giáp não dẫn đến tử vong.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tạm giữ 01 xe mô tô Nn hiệu Honda Click biển số 93N4-2088.

Ngày 27/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển số 93N4-2088 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phan Văn T.

Tại bản cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 26/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Phan Tiến D về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 50; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Tiến D mức án từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố đối với bị cáo D và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục Tệ hại cho gia đình người bị hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có công với cách mạng, bị cáo hiện còn đang học đại học, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt.

Bị cáo D tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 26/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, kết luận giám định pháp y về tử T, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, các dấu vết để lại hiện trường, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23/02/2019 Phan Tiến D vẫn điều khiển xe mô tô Honda Click biển số 93N4-0288 lưu thông trên đường L hướng từ đường L đến đường ĐT 741, thuộc tổ 4, khu phố P, phường T, thành phố Đ do không quan sát nên khi bấm còi xin vượt trái xe ô tô khoảng 01 đến 2m thì đụng vào ông Phạm Văn N đang đi bộ băng qua đường từ lề trái qua lề phải theo hướng đường L đến đường ĐT 741. Hậu quả làm ông N bị thương nặng dẫn đến tử vong.

Căn cứ vào hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định gây tai nạn cho người bị hại nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người bị hại và các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông. Bị cáo là người đã thành niên, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc không có giấy phép lái xe theo quy định là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do không chấp hành quy định của pháp luật giao thông mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện, chính hành vi trên của bị cáo và sự thiếu quan sát đã dẫn hậu quả tử vong cho người bị hại ông Phạm Văn N. Do đó cần Tắt phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho gia đình người bị hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo hiện còn đang học đại học ngành tài chính của Đại

học Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo hiện đang là sinh viên đại học, do đó để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội học tập, do đó xét không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Phạm Văn N là chị Phan Thụy Nhã K không yêu cầu bị cáo Phan Tiến D bồi thường gì thêm ngoài số tiền 47.000.000 đồng mà ông Phan Văn T là cha ruột của bị cáo D đã bồi thường và ông T cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phan Tiến D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Tiến D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật T hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật T hành án hình sự

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An